

Bản án số: 40/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 03 – 02 – 2021
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tân Hậu

2. Ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 701/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 454/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST – HNGĐ ngày 08/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số X, đường số Y, khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số X/Y, tổ X, khóm Đ, phường P, thành phố LX, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, bản tự khai ngày 02/11/2020 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Bùi Thị Bích T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P tự quen biết và tìm hiểu nhau được gần 01 năm thì tự nguyện sống chung vào năm 2003, không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 12/11/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng bà. Quá trình chung sống, bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột. Khi bà sinh con thì ông P có đến thăm con được vài lần và ông bà ly thân từ đó. Bà đi Sài Gòn làm thuê, để con cho ông bà ngoại nuôi dưỡng khoảng hơn 03 năm thì rước con đến sống cùng đến nay. Do quan hệ hôn nhân giữa bà và ông P không tồn tại đã nhiều năm nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông P có 01 (một) con chung chưa trưởng thành tên Lê Thị Phụng L sinh ngày 19/10/2004. Thời gian qua, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con nên bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lê Hoàng P vắng mặt lần thứ hai không lý do, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do hôn nhân giữa các bên không tồn tại từ lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, thời gian qua bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để cháu Loan có cuộc sống ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của bà T là không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Do ông P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Bích T và ông Lê Hoàng P là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, tại phiếu xác minh tình trạng cư trú ngày 24/11/2020 thể hiện, ông Lê Hoàng P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ là số X/Y, tổ X, khóm Đông An 1, phường P, thành phố LX đã đủ cơ sở để xác định ông P có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng thông qua bà Thái Nguyễn Kim Hà là mẹ ruột của ông P nhận thay. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông P tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Bà T có đơn đề ngày 08/01/2021 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Bích T và ông Lê Hoàng P tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường P cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 257 ngày 12/11/2004, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T cho rằng, quá trình sống chung vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra xung đột, không có biện pháp khắc phục, ông bà tự ly thân từ năm 2007 đến nay. Phía ông P được Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông P vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà T, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà T và ông P có cơ hội hàn gắn tình cảm. Đến nay, bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông P không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông P.

[6] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 143 do Ủy ban nhân dân phường P cấp ngày 03/10/2005 thể hiện giữa bà T và ông P có 01 con chung chưa trưởng thành tên Lê Thị Phụng Loan sinh ngày 19/10/2004. Xét thấy, cháu Loan có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông P về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[9] **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007709 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Hoàng P.

- **Về con chung:** Bà T và ông P có 01 (một) con chung tên Lê Thị Phượng Loan sinh ngày 19/10/2004. Bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông P được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007709 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T và ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh